

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa giai đoạn 2014 - 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2014 - 2020 với các nội dung chính sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa là nội dung quan trọng để tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt, góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa phải dựa trên nhu cầu thị trường; khai thác lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu, thời tiết gắn với sản xuất hàng hóa, tập trung, hiệu quả và bền vững;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa phải dựa trên cơ sở khoa học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị; tăng cường bảo quản, chế biến, tăng giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường, nâng cao thu nhập cho nông dân;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa phải đảm bảo huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế, phát huy hiệu quả sự hỗ trợ của nhà nước và hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa nhằm mục tiêu vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, vừa duy trì quỹ đất trồng lúa, bảo đảm an ninh lương thực quốc

gia, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Năm 2014-2015: chuyển đổi khoảng 260 ngàn ha diện tích gieo trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Giai đoạn 2016-2020: chuyển đổi khoảng 510 ngàn ha diện tích gieo trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản.

3. Nguyên tắc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa

- Phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chuyển đổi nhưng không được làm mất các yếu tố phù hợp để trồng lúa, khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa mà không phải đầu tư lớn;

- Cây trồng chuyển đổi phải có thị trường tiêu thụ, có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa;

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa phải phù hợp với hiện trạng giao thông, thủy lợi nội đồng của địa phương, hạn chế đầu tư lớn và gắn với xây dựng nông thôn mới.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI

1. Định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa toàn quốc

- Năm 2014-2015, chuyển đổi khoảng 260 ngàn ha: Chuyển sang trồng ngô 80 ngàn ha; đậu tương 16 ngàn ha; vùng, lạc 41 ngàn ha; rau, hoa 51 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 13 ngàn ha; cây khác 24 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 35 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020, tiếp tục chuyển đổi khoảng 510 ngàn ha: Chuyển sang trồng ngô 156 ngàn ha; đậu tương 33 ngàn ha; vùng, lạc 54 ngàn ha; rau, hoa 116 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 37 ngàn ha; các cây khác 58 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 56 ngàn ha.

2. Định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo vùng

2.1. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Tập trung chuyển đổi mô hình chuyên lúa sang mô hình luân canh 2 lúa - màu; 1 lúa - 2 màu; chuyên rau, màu và lúa - kết hợp nuôi trồng thủy sản...

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 112 ngàn ha diện tích gieo trồng lúa (vụ Đông Xuân 58 ngàn ha, vụ Hè Thu 45 ngàn ha, vụ Mùa 9 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 30 ngàn ha; đậu tương 8 ngàn ha; vùng, lạc 11 ngàn ha; rau, hoa 27 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 6 ngàn ha; cây khác 8 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 22 ngàn ha;

- Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục chuyển đổi khoảng 204 ngàn ha (vụ Đông Xuân 102 ngàn ha, vụ Hè Thu 84 ngàn ha, vụ Mùa 19 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 53 ngàn ha; đậu tương 13 ngàn ha; vừng, lạc 14 ngàn ha; rau, hoa 60 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 18 ngàn ha; các cây khác 14 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 32 ngàn ha.

2.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng

Tập trung chuyển đổi mô hình 2 lúa sang trồng các loại rau, hoa, màu; mô hình 1 lúa (chân ruộng cao, thiếu nước) chuyển sang trồng rau màu; mô hình trồng lúa (chân ruộng trũng bấp bênh trong vụ mùa) sang lúa - cá và tăng diện tích cây màu vụ Đông trên đất trồng lúa.

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 42 ngàn ha (vụ Đông Xuân 21 ngàn ha, vụ Mùa 20 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 12 ngàn ha; đậu tương 12 ngàn ha; vừng, lạc 5 ngàn ha; rau, hoa 12 ngàn ha; cây khác 3 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 6 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Chuyển đổi tiếp khoảng 87 ngàn ha (vụ Đông Xuân 42 ngàn ha, vụ Mùa 45 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 24 ngàn ha; đậu tương 11 ngàn ha; vừng, lạc 5 ngàn ha; rau, hoa 26 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 2 ngàn ha; cây khác 5 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 14 ngàn ha.

2.3. Vùng Trung du miền núi phía Bắc

Tập trung chuyển đổi một số diện tích 2 vụ lúa sang trồng rau các loại, hoa; mô hình 1 lúa (chân cao, thiếu nước trong vụ Đông Xuân) sang trồng rau, màu; tăng cường cây vụ Đông trên đất trồng lúa.

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 15 ngàn ha (vụ Đông Xuân 3 ngàn ha, vụ Mùa 12 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 5 ngàn ha; đậu tương 1 ngàn ha; vừng, lạc 1 ngàn ha; rau, hoa 4 ngàn ha; cây khác 4 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục chuyển đổi khoảng 85 ngàn ha (vụ Đông Xuân 18 ngàn ha, vụ Mùa 67 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 25 ngàn ha; đậu tương 6 ngàn ha; vừng, lạc 5 ngàn ha; rau, hoa 19 ngàn ha; các cây khác 28 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 2 ngàn ha.

2.4. Vùng Bắc Trung bộ

Tập trung chuyển đổi mô hình 2 lúa sang trồng các loại rau, hoa, màu; mô hình 1 lúa (chân ruộng cao, thiếu nước) chuyển sang trồng rau các loại, màu; mô hình 1 lúa (chân ruộng trũng bấp bênh trong vụ mùa) sang lúa - cá và tăng diện tích cây màu vụ Đông trên đất trồng lúa.

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 26 ngàn ha (vụ Đông Xuân 12 ngàn ha, vụ Hè Thu 12 ngàn ha, vụ Mùa 2 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô

8 ngàn ha; đậu tương 1 ngàn ha; vùng, lạc 6 ngàn ha; rau, hoa 1 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 4 ngàn ha; cây khác 2 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 3 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Chuyển đổi tiếp 34 ngàn ha (vụ Đông Xuân 17 ngàn ha, vụ Hè Thu 15 ngàn ha, vụ Mùa 3 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 11 ngàn ha; đậu tương 1 ngàn ha; vùng, lạc 8 ngàn ha; rau, hoa 2 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 8 ngàn ha; các cây khác 2 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 3 ngàn ha.

2.5. Vùng Duyên hải Nam trung bộ

Tập trung chuyển đổi mô hình trồng 3 vụ lúa sang trồng màu xen giữa 2 vụ lúa; mô hình 2 vụ lúa chủ động nước chuyển sang mô hình 2 lúa - cây rau, màu vụ Đông; mô hình 2 vụ lúa (thiếu nước tưới vụ Đông Xuân) sang 1 lúa Hè Thu + vụ màu Đông Xuân; mô hình 1 lúa thiếu nước, bắp bệnh sang trồng cây rau, màu.

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 49 ngàn ha (vụ Đông Xuân 23 ngàn ha, vụ Hè Thu 24 ngàn ha, vụ Mùa 2 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 19 ngàn ha; đậu tương 1 ngàn ha; vùng, lạc 15 ngàn ha; rau, hoa 3 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 3 ngàn ha; cây khác 4 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 4 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục chuyển đổi khoảng 56 ngàn ha (vụ Đông Xuân 25 ngàn ha, vụ Hè Thu 29 ngàn ha, vụ Mùa 2 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 17 ngàn ha; đậu tương 1 ngàn ha; vùng, lạc 19 ngàn ha; rau, hoa 2 ngàn ha; cây thức ăn chăn nuôi 7 ngàn ha; các cây khác 3 ngàn ha; kết hợp nuôi trồng thủy sản 5 ngàn ha.

2.6. Vùng Tây Nguyên

Tập trung chuyển đổi mô hình 3 vụ lúa sang trồng màu xen giữa 2 vụ lúa; mô hình 2 vụ lúa chủ động nước chuyển sang 2 lúa - rau, màu (vụ Đông); mô hình 2 vụ lúa thiếu nước tưới (vụ Đông Xuân) sang vụ 1 lúa Hè Thu + vụ màu Đông Xuân; mô hình 1 vụ lúa thiếu nước, bắp bệnh sang trồng rau, màu; mô hình lúa 1 vụ (Hè Thu) nhờ nước trời sang cây màu + Lúa Hè Thu;

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi 4 ngàn ha (vụ Đông Xuân 3 ngàn ha, vụ Mùa 1 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 3 ngàn ha; cây khác 1 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục chuyển đổi khoảng 10 ngàn ha (vụ Đông Xuân 7 ngàn ha, vụ Mùa 3 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 7 ngàn ha; cây khác 3 ngàn ha.

2.7. Vùng Đông Nam bộ

Tập trung chuyển đổi mô hình chuyên lúa sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như hoa, cây cảnh, rau an toàn; mô hình 3 vụ lúa sang 2 lúa - màu.

- Năm 2014-2015: Chuyển đổi khoảng 14 ngàn ha (vụ Đông Xuân 6 ngàn ha, vụ Hè Thu 3 ngàn ha, vụ Mùa 5 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 2 ngàn ha; vùng, lạc 5 ngàn ha; rau, hoa 3 ngàn ha; cây khác 3 ngàn ha.

- Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục chuyển đổi khoảng 34 ngàn ha (vụ Đông Xuân 12 ngàn ha, vụ Hè Thu 13 ngàn ha, vụ Mùa 9 ngàn ha). Trong đó, chuyển sang trồng ngô 19 ngàn ha; vùng, lạc 3 ngàn ha; rau, hoa 7 ngàn ha; các cây khác 5 ngàn ha.

(Chuyển đổi chi tiết tại các vùng như Phụ lục kèm theo)

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về công tác quy hoạch

Trên cơ sở quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa toàn quốc; các tỉnh, thành phố lập quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa tại địa phương trong quá trình xây dựng Đề án (hoạch kế hoạch) tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Về khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, tổng kết những mô hình canh tác trên đất lúa có hiệu quả kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ để tuyên truyền, hướng dẫn người sản xuất áp dụng.

- Hoàn thiện quy trình thâm canh đồng bộ các loại cây trồng chuyển đổi trên đất lúa; khuyến khích áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào vùng quy hoạch chuyển đổi.

- Ưu tiên đầu tư các dự án khuyến nông nhằm khuyến khích thực hiện phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa.

3. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các vùng chuyển đổi

- Đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa, hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng các vùng sản xuất hàng hoá tập trung thực hiện phương án chuyển đổi.

- Mở rộng thực hiện các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng trên đất lúa chuyển đổi; trọng tâm là khu vực Trung du miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống phơi sấy, xay sát, kho dự trữ các sản phẩm cây trồng, ưu tiên trước hết là lúa gạo và ngô; hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ phương án chuyển đổi ở các vùng tập trung, chuyên canh sản xuất hàng hóa.

4. Tổ chức sản xuất

- Cơ cấu lại hệ thống tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; hỗ trợ nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tạo sự liên kết chặt chẽ trong toàn chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ, giảm bớt các khâu trung gian.

- Phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; nghiên cứu các mô hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (Hợp tác xã, Tổ hợp tác); xác định mô hình Hợp tác xã, Tổ hợp tác tiên tiến để khuyến cáo phát triển cho phù hợp.

5. Chính sách

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện có như: Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Quyết định 580/QĐ-TTg, ngày 22/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giống để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây màu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Thông tư 47/2013/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT “Hướng dẫn việc chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm kết hợp nuôi trồng thủy sản” và các chính sách khác.

- Xây dựng mới chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo hướng ưu tiên hỗ trợ giống cây trồng, thủy sản; hỗ trợ kinh phí làm đất cho các hộ nông dân chuyển đổi với quy mô lớn; hỗ trợ nông dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ lãi suất vay thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản cho nông dân trong vùng quy hoạch chuyển đổi...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cục Trồng trọt:

- Tham mưu cho Bộ hướng dẫn các địa phương xây dựng, thực hiện phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa.

- Chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách thực hiện phương án chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng các chương trình, dự án thực hiện quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

- Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa toàn quốc.

b) Các đơn vị khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Cục Trồng trọt triển khai, thực hiện phương án quy hoạch.

2. Các Bộ, ngành Trung ương: Theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện phương án quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương.

- Đề xuất xây dựng chương trình, dự án của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

- Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa của địa phương về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố;
- Các Tổng cục: Thủy lợi, Thủy sản;
- Các Vụ: KH, KHCN, TC, HTQT;
- Các Cục: TT, CBTMNLS&NM, QLCLNLTS, KTHT&PTNT;
- TT Tin học & TK, TTKNQG;
- Website Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VT, TT. (170)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1361/ SY-UBND

Bình Định, ngày 07 tháng 8 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- Các Sở: NN&PTNT, TNMT, KH&ĐT, TC, KH&CN;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- PVPNN, K4, K10, K19;
- Lưu: VT (22b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Đức Thi

Phụ lục

ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

GIẢI ĐOẠN 2014-2020

(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-BNN-TT ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: 1.000 ha

Đơn vị tính: 1.000 ha												
STT	Hạng mục	Diện tích gieo trồng năm 2013	Chuyển đổi các năm 2014-2015				Diện tích gieo trồng năm 2015	Chuyển đổi giai đoạn 2016-2020				Diện tích gieo trồng năm 2020
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
				Vụ Đông xuân	Vụ Hè thu	Vụ Mùa			Vụ Đông xuân	Vụ Hè thu	Vụ Mùa	
TOÀN QUỐC												
1	Lúa	7,899	260	126	83	51	7,640	510	223	141	147	7,144
2	Ngô	1,173	80	25	42	12	1,252	156	70	48	38	1,403
3	Đậu tương	118	16	11	1	4	134	33	17	4	12	166
4	Vừng, lạc	259	41	24	15	2	300	54	27	21	6	353
5	Rau, hoa	878	51	24	17	10	929	116	62	23	31	1,041
6	Cây thức ăn chăn nuôi	91	13	6	5	2	105	37	24	10	3	141
7	Kết hợp nuôi trồng TS	207	35	5	6	24	242	56	8	9	40	299
8	Cây khác	687	24	11	6	7	711	58	20	9	28	765
I. Đồng bằng sông Cửu Long												
1	Lúa	4,338	112	58	45	9	4,226	204	102	84	19	4,022
2	Ngô	40	30	2	27		70	53	27	25	1	123
3	Đậu tương	2	8	7	1		10	13	10	3		23
4	Vừng, lạc	29	11	7	4		40	14	7	7		54
5	Rau, hoa	254	27	12	14	1	281	60	38	20	2	341
6	Cây thức ăn chăn nuôi	7	6	3	2	1	13	18	14	2	2	31
7	Kết hợp nuôi trồng TS	174	22	2	3	17	196	32	3	5	25	228
8	Cây khác	53	8	5	3		61	14	8	6	0	75
II. Đồng bằng sông Hồng												
1	Lúa	1,131	42	21		20	1,089	87	42		45	1,002
2	Ngô	88	12	7		5	100	24	14		10	124
3	Đậu tương	44	5	2		3	49	11	4		7	60
4	Vừng, lạc	28	3	3		1	31	5	3		2	36
5	Rau, hoa	186	12	8		4	198	26	17		10	224
6	Cây thức ăn chăn nuôi	5	0			0	5	2	1		1	7
7	Kết hợp nuôi trồng TS	28	6	1		6	34	14	1		13	49
8	Cây khác	45	3	2		1	48	5	3		2	53
III. Trung du miền núi phía Bắc												
1	Lúa	689	15	3		12	674	85	18		67	603
2	Ngô	506	5	1		4	511	25	5		21	531
3	Đậu tương	51	1			1	52	6	1		5	57
4	Vừng, lạc	53	1	0		1	54	5	1		4	58
5	Rau, hoa	123	4	1		3	127	19	4		15	141
6	Cây thức ăn chăn nuôi	30	0				30					30
7	Kết hợp nuôi trồng TS							2	1		2	2
8	Cây khác	244	4	1		3	248	28	6		22	273
IV. Bắc Trung Bộ												
1	Lúa	697	26	12	12	2	671	34	17	15	3	637

STT	Hạng mục	Diện tích gieo trồng năm 2013	Chuyển đổi các năm 2014-2015				Diện tích gieo trồng năm 2015	Chuyển đổi giai đoạn 2016-2020				Diện tích gieo trồng năm 2020
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
				Vụ Đông xuân	Vụ Hè thu	Vụ Mùa			Vụ Đông xuân	Vụ Hè thu	Vụ Mùa	
2	Ngô	126	8	4	3	2	134	11	4	4	3	145
3	Đậu tương	10	1	1	1		11	1	1	0		12
4	Vừng, lạc	72	6	3	3		78	8	4	4		86
5	Rau, hoa	91	1	1	1		92	2	1	1		94
6	Cây thức ăn chăn nuôi	16	4	2	2		20	8	4	4		28
7	Kết hợp nuôi trồng TS	2	3	1	1	1	5	3	1	2		8
8	Cây khác	13	2	1	1		15	2	1	1		17
V. Duyên hải Nam Trung Bộ												
1	Lúa	534	49	23	24	2	485	56	25	29	2	429
2	Ngô	80	19	8	11		99	17	7	10		116
3	Đậu tương	1	1	1			2	1	1	1		3
4	Vừng, lạc	50	15	8	7		65	19	10	10		84
5	Rau, hoa	64	3	1	1	1	67	2	1	1	1	70
6	Cây thức ăn chăn nuôi	12	3	2	2		15	7	4	4		23
7	Kết hợp nuôi trồng TS	2	4	1	2		6	5	2	3		11
8	Cây khác	161	4	1	1	1	165	3	1	1	1	168
VI. Tây Nguyên												
1	Lúa	232	4	3		1	228	10	7		2	218
2	Ngô	252	3	2		1	256	7	6		2	263
3	Đậu tương	10					10	1	1			11
4	Vừng, lạc	17				0	17	1	1			17
5	Rau, hoa	101					101					101
6	Cây thức ăn chăn nuôi	10					10					10
7	Kết hợp nuôi trồng TS											
8	Cây khác		0	0		0	0	1	0		1	1
VII. Đông Nam Bộ												
1	Lúa	280	14	6	3	5	267	34	12	13	9	233
2	Ngô	80	2	1	1	0	82	19	8	9	2	101
3	Đậu tương	1					1					1
4	Vừng, lạc	11	5	4	0	1	17	3	1	1	1	19
5	Rau, hoa	60	3	1	1	2	63	7	1	2	4	70
6	Cây thức ăn chăn nuôi	12					12	1	1			13
7	Kết hợp nuôi trồng TS	1					1					1
8	Cây khác	171	3	1	1	2	174	5	1	2	2	179